## **1. Khung ma trận đề kiểm tra giữa kì II môn Khoa học tự nhiên 8**

**a) Khung ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa học kì 2 khi kết thúc nội dung: (Bài 20:* Hiện tượng nhiễm điện do cọ xát *đến hết bài 33: Hệ bài tiết ở người )*

**- Thời gian làm bài:** *90 phút*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận)*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao*

- Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm *(gồm 20 câu hỏi: nhận biết: 14 câu, thông hiểu: 6 câu), mỗi câu 0,25 điểm*

- Phần tự luận: 5,0 điểm *(Nhận biết: 0,5 điểm; Thông hiểu: 1,5 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm),* ***mỗi ý trả lời từ 0,25 – 0,5 điểm***

- Nội dung nửa đầu học kì 2: *100% (10 điểm)*

+ Chương 5: Điện: 11 tiết - Bài 20 ->25 *(3,5 điểm)*

+ Chương 6: Nhiệt: 9 tiết - Bài 26->29 *(3,0 điểm)*

+ Chương 7: Sinh học cơ thể người: 11 tiết - Bài 30->33 *(3,5 điểm)*

# - Khung ma trận

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | **Tổng số câu/ Số ý** | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |  |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |  |
| *1. Điện (11 tiết)* | 1(0,5) | 6 |  | 2  | 1(1,0) |  |  |  | 2 | 8 | **3,5** |
| *2.* Nhiệt *(9 tiết)* |  | 4 | 1 (0,5) | 2  | 1(1,0) |  |  |  | 2 | 6 | **3,0** |
| *3.* Sinh học cơ thể người *(11 tiết)*Bài 30->33  |  | 4 | 1(1,0) | 2  |  |  | 1(1,0) |  | 2 | 6 | **3,5** |
| **Số câu/ Số ý** | **1** | **14** | **2** | **6** | **2** | **0** | **1** | **0** | 6 | 20 | 10,00 |
| **Điểm số** | **0,5** | **3,5** | **1,5** | **1,5** | **2,0** | **0** | **1,0** | **0** | **5,0** | **5,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0**  | **3,0**  | **2,0**  | **1,0**  | **10**  | **10**  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | **Câu hỏi** |
| **TL** | **TN** | **TL** | **TN** |
| **1. Điện (11 tiết)** |
| - Hiện tượng nhiễm điện- Nguồn điện. Dòng điện - Tác dụng của dòng điện- Đo cường độ dòng điện. Đo hiệu điện thế- Mạch điện đơn giản | **Nhận biết** | - Lấy được ví dụ về hiện tượng nhiễm điện. |  | 1 |  | C1 |
| - Nhận biết được kí hiệu nguồn điện. |  | 1 |  | C2 |
| - Nêu được nguồn điện có khả năng cung cấp năng lượng điện. |  |  |  |  |
| - Kể tên được một số nguồn điện trong thực tế. |  | 1 |  | C3 |
| - Phát biểu được định nghĩa về dòng điện. | 1 |  | C21 |  |
| - Kể tên được một số vật liệu dẫn điện và vật liệu không dẫn điện. |  | 1 |  | C4 |
| - Nêu được đơn vị đo cường độ dòng điện, hiệu điện thế. |  | 1 |  | C5 |
| - Nhận biết kí hiệu mô tả: nguồn điện, điện trở, biến trở, chuông, ampe kế, vôn kế, cầu chì, đi ốt và đi ốt phát quang. |  | 1 |  | C6 |
| **Thông hiểu** | - Mô tả cách làm một vật bị nhiễm điện. |  | 1 |  | C7 |
| - Giải thích được sơ lược nguyên nhân một vật cách điện nhiễm điện do cọ xát. |  | 1 |  | C8 |
| - Đo được cường độ dòng điện và hiệu điện thế bằng dụng cụ thực hành. |  |  |  |  |
| - Vẽ được mạch điện đơn giản gồm: nguồn điện, điện trở (biến trở), ampe kế. |  |  |  |  |
| - Mắc được mạch điện đơn giản với: pin, công tắc, dây nối, bóng đèn. |  |  |  |  |
| - Mô tả được sơ lược công dụng của cầu chì (hoặc: rơ le, cầu dao tự động, chuông điện). |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Giải thích được một vài hiện tượng thực tế liên quan đến sự nhiễm điện do cọ xát. | 1 |  | C22 |  |
| - Vẽ được sơ đồ mạch điện với kí hiệu mô tả: điện trở, biến trở, chuông, ampe kế (ammeter), vôn kế (voltmeter), đi ốt (diode) và đi ốt phát quang. |  |  |  |  |
| - Thực hiện thí nghiệm để minh hoạ được các tác dụng cơ bản của dòng điện: nhiệt, phát sáng, hoá học, sinh lí. |  |  |  |  |
| - Thực hiện thí nghiệm để nêu được số chỉ của ampe kế là giá trị của cường độ dòng điện. - Thực hiện thí nghiệm để nêu được khả năng sinh ra dòng điện của pin (hay ắc quy) được đo bằng hiệu điện thế (còn gọi là điện áp) giữa hai cực của nó. |  |  |  |  |
| 2. Nhiệt (9 tiết) |
| - Năng lượng nhiệt.- Đo năng lượng nhiệt- Dẫn nhiệt, đối lưu, bức xạ nhiệt- Sự nở vì nhiệt | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm năng lượng nhiệt. |  | 1 |  | C9 |
| - Nêu được khái niệm nội năng.  |  |  |  |  |
| - Lấy được một số ví dụ về công dụng và tác hại của sự nở vì nhiệt. |  | 1 |  | C10 |
| - Kể tên được một số vật liệu dẫn nhiệt kém. |  | 1 |  | C11 |
| - Kể tên được một số vật liệu dẫn nhiệt tốt. |  | 1 |  | C12 |
| **Thông hiểu** | - Nêu được, khi một vật được làm nóng, các phân tử của vật chuyển động nhanh hơn và nội năng của vật tăng. |  | 1 |  | C13 |
| - Mô tả được sơ lược sự truyền năng lượng trong hiệu ứng nhà kính. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về hiện tượng dẫn nhiệt, đối lưu, bức xạ nhiệt và mô tả sơ lược được sự truyền năng lượng trong mỗi hiện tượng đó.  |  | 1 |  | C14 |
| - Phân tích được một số ví dụ về công dụng của vật dẫn nhiệt tốt.  | 1 |  | C23 |  |
| - Phân tích được một số ví dụ về công dụng của vật cách nhiệt tốt. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Đo được năng lượng nhiệt mà vật nhận được khi bị đun nóng (có thể sử dụng joulemeter hay oát kế (wattmeter).  |  |  |  |  |
| - Vận dụng kiến thức về sự truyền nhiệt, sự nở vì nhiệt, giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế. | 1 |  | C24 |  |
| - Thực hiện thí nghiệm để chứng tỏ được các chất khác nhau nở vì nhiệt khác nhau.  |  |  |  |  |
| **3. Sinh học cơ thể người (11 tiết)** |
| - Khái quát về cơ thể người.- Hệ vận động ở người. - Dinh dưỡng và tiêu hóa ở người.- Máu và hệ tuần hoàn của cơ thể người | **Nhận biết** | - Nêu được tên và vai trò chính của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người. |  | 1  |  | C15 |
| - Nêu được tác hại của bệnh loãng xương.  |  |  |  |  |
| - Nêu được chức năng của hệ vận động ở người.  |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm dinh dưỡng, chất dinh dưỡng.  |  | 1 |  | C16 |
| - Nêu được nguyên tắc lập khẩu phần thức ăn cho con người. |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm an toàn thực phẩm |  |  |  |  |
| - Kể được tên một số hoá chất (độc tố), cách chế biến, cách bảo quản gây mất an toàn vệ sinh thực phẩm; |  | 1 |  | C17 |
| - Kể được tên một số loại thực phẩm dễ bị mất an toàn vệ sinh thực phẩm do sinh vật, hoá chất, bảo quản, chế biến;  |  |  |  |  |
| - Nêu được chức năng của máu và hệ tuần hoàn.  |  | 1 |  | C18 |
| - Nêu được các thành phần của máu và chức năng của mỗi thành phần (hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, huyết tương).  |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm nhóm máu.  |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm miễn dịch, kháng nguyên, kháng thể.  |  |  |  |  |
| - Nêu được vai trò vaccine (vacxin) và vai trò của tiêm vaccine trong việc phòng bệnh. |  |  |  |  |
| - Nêu được một số bệnh về máu, tim mạch và cách phòng chống các bệnh đó.  |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Dựa vào sơ đồ (hoặc hình vẽ), mô tả được cấu tạo sơ lược các cơ quan của hệ vận động. Phân tích được sự phù hợp giữa cấu tạo với chức năng của hệ vận động. Liên hệ được kiến thức đòn bẩy vào hệ vận động.  |  |  |  |  |
| - Trình bày được một số bệnh, tật liên quan đến hệ vận động và một số bệnh về sức khoẻ học đường liên quan hệ vận động (ví dụ: cong vẹo cột sống). Nêu được một số biện pháp bảo vệ các cơ quan của hệ vận động và cách phòng chống các bệnh, tật.  |  | 1 |  | C19 |
| - Quan sát hình vẽ (hoặc mô hình, sơ đồ khái quát) hệ tiêu hoá ở người, kể tên được các cơ quan của hệ tiêu hoá. Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ tiêu hoá.  |  |  |  |  |
| - Nêu được một số bệnh về đường tiêu hoá và cách phòng và chống (bệnh răng, miệng; bệnh dạ dày; bệnh đường ruột, ...).  |  | 1 |  | C20 |
| - Trình bày được chức năng của hệ tiêu hoá. |  |  |  |  |
| - Trình bày được chế độ dinh dưỡng của con người ở các độ tuổi.  |  |  |  |  |
| - Trình bày được một số điều cần biết về vệ sinh thực phẩm;  |  |  |  |  |
| - Nêu được một số nguyên nhân chủ yếu gây ngộ độc thực phẩm. Lấy được ví dụ minh hoạ.  |  |  |  |  |
| - Trình bày được cách bảo quản, chế biến thực phẩm an toàn;  |  |  |  |  |
| - Trình bày được một số bệnh do mất vệ sinh an toàn thực phẩm và cách phòng và chống.  |  |  |  |  |
| - Phân tích được vai trò của việc hiểu biết về nhóm máu trong thực tiễn (ví dụ trong cấp cứu phải truyền máu; ý nghĩa của truyền máu, cho máu và tuyên truyền cho người khác).  | 1 |  | C25 |  |
| - Quan sát mô hình (hoặc hình vẽ, sơ đồ khái quát) hệ tuần hoàn ở người, kể tên được các cơ quan của hệ tuần hoàn. Nêu được chức năng của mỗi cơ quan và sự phối hợp các cơ quan thể hiện chức năng của cả hệ tuần hoàn.  |  |  |  |  |
| - Dựa vào sơ đồ, trình bày được cơ chế miễn dịch trong cơ thể người |  |  |  |  |
| - Giải thích được vì sao con người sống trong môi trường có nhiều vi khuẩn có hại nhưng vẫn có thể sống khoẻ mạnh.  |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Nêu được ý nghĩa của tập thể dục, thể thao và chọn phương pháp luyện tập thể thao phù hợp (tự đề xuất được một chế độ luyện tập cho bản thân nhằm nâng cao thể lực và thể hình).  |  |  |  |  |
| - Vận dụng được hiểu biết về hệ vận động và các bệnh học đường để bảo vệ bản thân và tuyên truyền, giúp đỡ cho người khác.  |  |  |  |  |
| - Vận dụng được hiểu biết về lực và thành phần hoá học của xương để giải thích sự co cơ, khả năng chịu tải của xương. |  |  |  |  |
| - Vận dụng được hiểu biết về dinh dưỡng và tiêu hoá để phòng và chống các bệnh về tiêu hoá cho bản thân và gia đình.  |  |  |  |  |
| - Vận dụng được hiểu biết về máu và tuần hoàn để bảo vệ bản thân và gia đình.  |  |  |  |  |
| - Thực hành: Thực hiện được các bước đo huyết áp.  |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Thực hành: Thực hiện được sơ cứu và băng bó khi người khác bị gãy xương; tìm hiểu được tình hình mắc các bệnh về hệ vận động trong trường học và khu dân cư  |  |  |  |  |
| - Thực hiện được dự án điều tra về vệ sinh an toàn thực phẩm tại địa phương; dự án điều tra một số bệnh đường tiêu hoá trong trường học hoặc tại địa phương (bệnh sâu răng, bệnh dạ dày,...) |  |  |  |  |
| - Thực hành xây dựng chế độ dinh dưỡng cho bản thân và những người trong gia đình.  |  |  |  |  |
| - Vận dụng được hiểu biết về an toàn vệ sinh thực phẩm để đề xuất các biện pháp lựa chọn, bảo quản, chế biến, chế độ ăn uống an toàn cho bản thân và gia đình; đọc và hiểu được ý nghĩa của các thông tin ghi trên nhãn hiệu bao bì thực phẩm và biết cách sử dụng thực phẩm đó một cách phù hợp.  |  |  |  |  |
| - Thực hành: Thực hiện được tình huống giả định cấp cứu người bị chảy máu, tai biến, đột quỵ; băng bó vết thương khi bị chảy nhiều máu;  | 1 |  | C26 |  |
| - Thực hiện được dự án, bài tập: Điều tra bệnh cao huyết áp, tiểu đường tại địa phương.  |  |  |  |  |
| - Tìm hiểu được phong trào hiến máu nhân đạo ở địa phương |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT ….**TRƯỜNG THCS ......****Đề 01** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II****Năm học 2023 - 2024****Môn: KHTN - Lớp 7***Thời gian làm bài : 90 phút* |

**I. Phần trắc nghiệm (5,0 điểm)**

**Chọn đáp án đúng nhất trong các câu trả lời sau**

**Câu 1.** Hiện tượng nào sau đây cho biết vật bị nhiễm điện ?

1. Thước nhựa hút mảnh giấy.
2. Nam châm hút sắt.
3. Trái đất hút mọi vật.
4. Bùn dính vào dép khi đi bộ.

**Câu 2.** Kí hiệu nào lànguồn điện ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |
| **A** | **B** | **C** | **D** |

**Câu 3.** Vật nào sau đây là nguồn điện ?

1. Dây điện
2. Pin
3. Nồi cơm điện
4. Bóng đèn

**Câu 4.** Vật nào sau đây là vật dẫn điện ?

1. Thanh thủy tinh
2. Thanh gỗ khô
3. Thanh sắt
4. Thước nhựa

**Câu 5.** Đơn vị đo hiệu điện thế là

1. Mét
2. Ki lô gam
3. Am pe
4. Vôn

**Câu 6**. Kí hiệu nào là Am pe kế

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |
| **A** | **B** | **C** | **D** |

**Câu 7.** Có thể làm nhiễm điện cho một vật bằng cách

###### **A. Cọ xát vật**

B. Nhúng vật vào nước đá

C. Cho chạm vào nam châm

D. Nung nóng vật

**Câu 8.** Xe chạy một thời gian dài, sau khi xuống xe, sờ vào thành xe đôi lúc ta thâý như bị điện giật. Nguyên nhân:

 A. Bộ phận điện của xe bị hỏng.

 B. Thành xe cọ sát với không khí nên xe bị nhiễm điện.

 C. Do một số vật dụng bằng điện gần đó đang hoạt động.

 D. Do ngoài trời đang có cơn dông.

**Câu 9:** Nhiệt lượng là

###### **A. phần nhiệt năng mà vật nhận được hay mất bớt đi trong quá trình truyền nhiệt.**

B. phần nhiệt năng mà vật nhận trong quá trình truyền nhiệt.

C. phần nhiệt năng mà vật mất bớt đi trong quá trình truyền nhiệt.

D. phần cơ năng mà vật nhận được hay mất bớt đi trong quá trình thực hiện công.

**Câu 10:** Khi nhúng quả bóng bàn bị móp vào trong nước nóng, nó sẽ phồng trở lại. Vì sao vậy?

A. Vì nước nóng làm vỏ quả bóng co lại.

B. Vì nước nóng làm vỏ quả bóng nở ra.

C. Vì nước nóng làm cho khí trong quả bóng co lại.

###### **D. Vì nước nóng làm cho khí trong quả bóng nở ra.**

**Câu 11. Vật liệu nào sau dẫn nhiệt kém nhất**

1. Sắt
2. Đồng
3. Nhôm
4. Gỗ

**Câu 12**. Cho các chất sau: bạc, giấy, thủy tinh, nhựa. Chất nào dẫn nhiệt tốt nhất?

1. Nhựa
2. Thủy tinh
3. Bạc
4. Giấy

**Câu 13.** Nung nóng hòn bi sắt, khi đó các phân tử của nó.....

1. chuyển động chậm hơn và nội năng của vật tăng.
2. chuyển động chậm hơn và nội năng của vật giảm.
3. chuyển động nhanh hơn và nội năng của vật tăng.
4. chuyển động nhanh hơn và nội năng của vật giảm.

**Câu 14:** Một ống nghiệm đựng đầy nước, cần đốt nóng ống ở vị trí nào của ống thì tất cả nước trong ống sôi nhanh hơn?

A. Đốt ở giữa ống.

B. Đốt ở miệng ống.

###### **C. Đốt ở đáy ống.**

D. Đốt ở vị trí nào cũng được

**Câu 15:** Hệ cơ quan trong cơ thể người có vai trò giúp cơ thể lấy khí oxygen từ môi trường và thải khí carbon dioxide ra khỏi cơ thể là:

A. hệ tuần hoàn

B. hệ Hô hấp

C. hệ tuần hoàn

D. hệ tiêu hóa

**Câu 16**: Dinh dưỡng là:

A. các chất có trong thức ăn mà cơ thể sử dụng làm nguyên liệu cấu tạo cơ thể.

B. các nhóm chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể

C. quá trình thu nhận, biến đổi và sử dụng chất dinh dưỡng để duy trì sự sống của cơ thể.

D. cả A và B

**Câu 17:** Cách bảo quản nào dưới đây gây mất an toàn vệ sinh thực phẩm?

A. Để lẫn thực phẩm ăn sống với thực phẩm cần nấu chín.

B. Che đậy thực phẩm sau khí chế biến xong

C. Bảo quản lạnh những thực phẩm dễ hỏng

D. Bảo quản một số loại hạt (lạc, đỗ,...) bằng cách phơi khô hoặc sấy khô.

**Câu 18**: Thành phần nào của máu có chức năng chống lại sự xâm nhập của các tác nhân lạ giúp bảo vệ cơ thể?

A. Huyết tương

B. Hồng cầu

C. Tiểu cầu

D. Bạch cầu

**Câu 19**: Những việc học sinh nên làm để chống cong vẹo cột sống:

A. Thường xuyên mang vác vật nặng.

B. Ngồi bàn ghế phù hợp, tư thế ngồi đúng, mang vác đồ phù hợp với sức khỏe và lứa tuổi,....

C. Vẹo sang trái hoặc vẹo sang phải khi ngồi học

D. Đeo cặp một bên vai

**Câu 20:** Trong các bệnh dưới đây, bệnh nào là bệnh về đường tiêu hóa?

A. Bệnh cảm cúm

B. Bệnh loãng xương

C. Bệnh viêm loét dạ dày – tá tràng

D. Bệnh sốt rét

**II. Tự luận (5,0 điểm)**

**Câu 21 (0,5 điểm).** Phát biểu được định nghĩa về dòng điện.

**Câu 22 (1,0 điểm).** Giải thích tại sao bụi lại bám nhiều ở cánh quạt điện sau một thời gian sử dụng.

**Câu 23 (0,5 điểm).** Tại sao xoong nồi thường làm bằng kim loại còn bát đĩa làm bằng sứ?

**Câu 24 (1,0 điểm).** Khi đun nước, ta không nên đổ nước thật đầy ấm?

**Câu 25 (1,0 điểm).** Giải thích vì sao nhóm máu O được gọi là nhóm máu “chuyên cho”.

**Câu 26 (1,0 điểm)**

Tình huống: Giả định khi phát hiện một người có các biểu hiện đột quỵ như đột ngột hôn mê, đau đầu dữ dội, méo mồm, mất thăng bằng, không nói được,....thì em sẽ thực hiện sơ cứu như thế nào?

**Hướng dẫn chấm:**

**I. Trắc nghiệm (5,0 điểm)**

**Mẫu câu trả lời đúng được 0,25 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| A | A | B | C | D | C | A | B | A | D |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| D | C | C | C | B | C | A | D | B | C |

**II. Tự luận (5,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **21****0,5 điểm** | Dòng điện là dòng chuyển dịch có hướng của các hạt mang điện. | 0,5 |
| **22****1,0 điểm** | Ở quạt điện, cánh quạt quay liên tục tạo ra lực ma sát với không khí,  | 0,5 |
| gây tích điện, đồng thời tạo ra lực hút đối với những vật thể nhỏ và nhẹ bay trong không khí như bụi, vi khuẩn, nấm mốc... bám dính vào cánh quạt | 0,5 |
| **23****0,5 điểm** | Kim loại là chất dẫn nhiệt rất tốt sẽ giúp xoong, chảo nấu chín thức ăn dễ dàng hơn.  | 0,25 |
| Bát đĩa dùng để đựng thức ăn chín được cầm trực tiếp bằng tay nên thường thấy làm bằng chất liệu sứ vì sứ dẫn nhiệt kém. | 0,25 |
| **24****1,0 điểm** | Khi đun nước, ta không nên đổ nước thật đầy ấm vì khi đun sôi, nước nóng lên và nở ra  | 0,5 |
| làm nước tràn ra ngoài và gây nhiều nguy hiểm cho  con người như : chập dây điện, bỏng,............ | 0,5 |
| **25****1,0 điểm** | Nhóm máu O là nhóm máu “chuyên cho” do có thể cho được tất cả các nhóm máu khác. | 0,25 |
| Nhóm máu O không chứa kháng nguyên trong hồng cầu. | 0,25 |
| Vì vậy khi truyền cho máu khác, không bị kháng thể trong huyết tương của máu nhận gây kết dính hồng cầu, nên nhóm máu O là máu chuyên cho | 0,5 |
| **26****1,0 điểm** | Khi phát hiện người có các biểu hiện đột quỵ, em sẽ thực hiện sơ cứu theo các bước sau:Bước 1: Gọi người trợ giúp và nhanh chóng gọi cấp cứu 115 | 0,25 |
| Bước 2: Trong thời gian chờ xe cấp cứu đến, cần đặt phần đầu và lưng của nạn nhân nằm nghiêng để tránh bị sặc đường thở | 0,25 |
| Bước 3: Nới lỏng quần áo cho rộng thoáng; mở phần cổ áo để kiểm tra trình trạng hô hấp của nạn nhân. | 0,25 |
| Bước 4:- Dùng vải mềm quấn vào ngón tây trỏ rồi lấy sạch đờm, dãi trong miệng nạn nhân.- Ghi lại thời điểm nạn nhân khởi phát biểu hiện đột quỵ, những loại thuốc mà nạn nhân đang dùng hoặc mang theo đơn thuốc đang có. | 0,25 |